CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2024

Tổng CTCP Phát triển khu công nghiệp

Ngày 31/12/2024	34,000 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-2.3%	**3.0%**	**-6.0%**

DT thuần
Q4/24
1,697
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 360| 26.9%
YoY: ▼24.0| -1.4%

LN thuần
Q4/24
532
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 153| 40.5%
YoY: ▲ 38.0| 7.8%

LN sau thuế
Q4/24
423
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 98.0| 30.0%
YoY: ▲ 11.0| 2.6%

Tỷ suất lãi EBIT
2024
34.8%
YoY: +/-▲ 2.2%

ROE
2024
9.2%
YoY: +/-▲ 0.7%

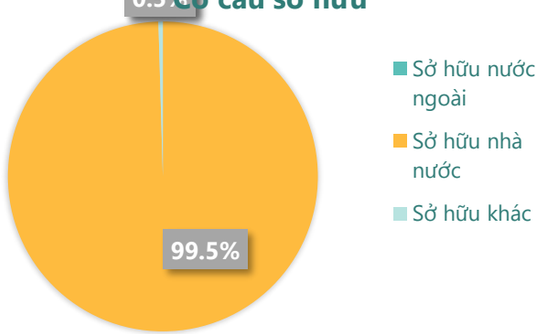
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	26,722 - 39,939
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	12,801
Số lượng CPLH (CP)	376,491,800
KLGD BQ 20 phiên (CP)	6,550
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.89
EPS	2,575
P/E	13.2

DT thuần
2024
5,889
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 442| 8.1%

LN thuần
2024
1,952
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 322| 19.7%

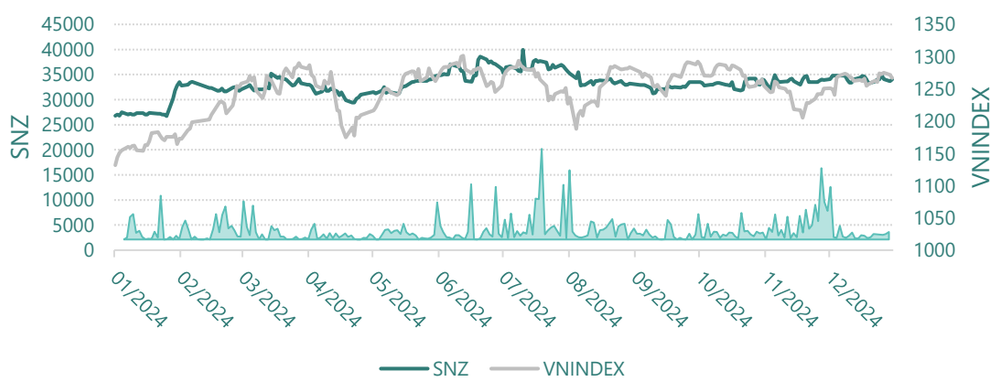
LN sau thuế
2024
1,621
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 223| 15.9%

Cơ cấu sở hữu

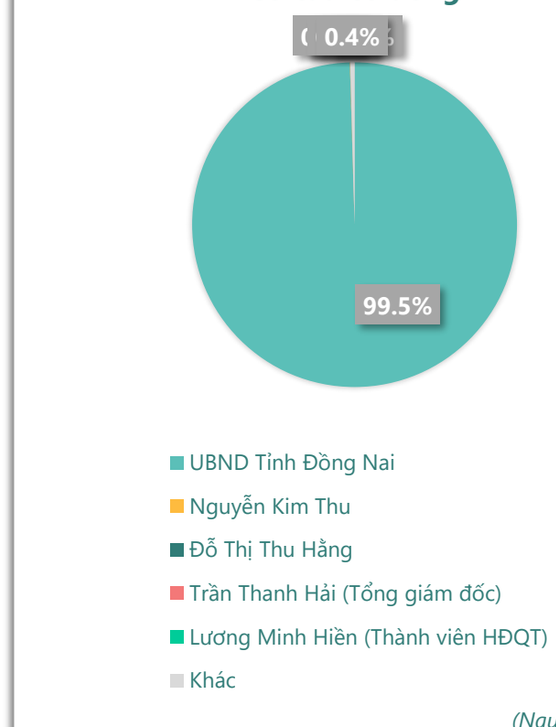


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



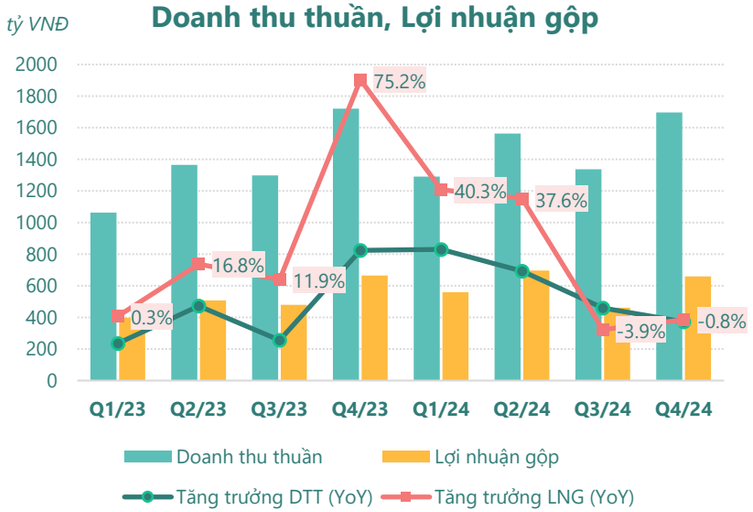
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

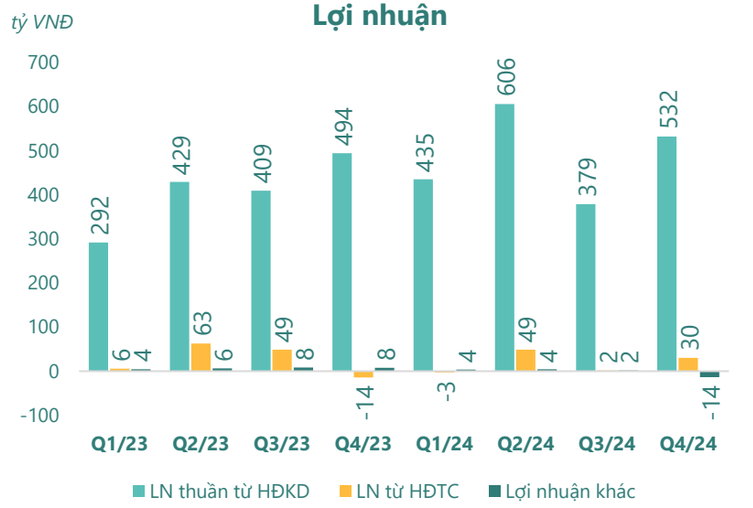
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



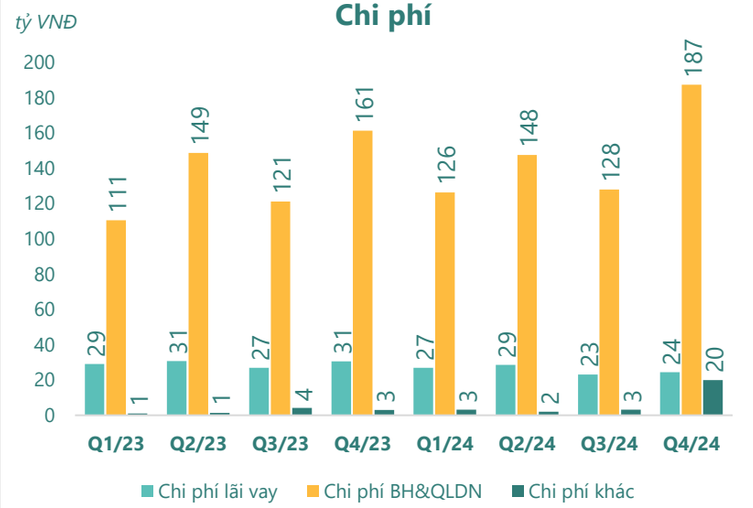
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



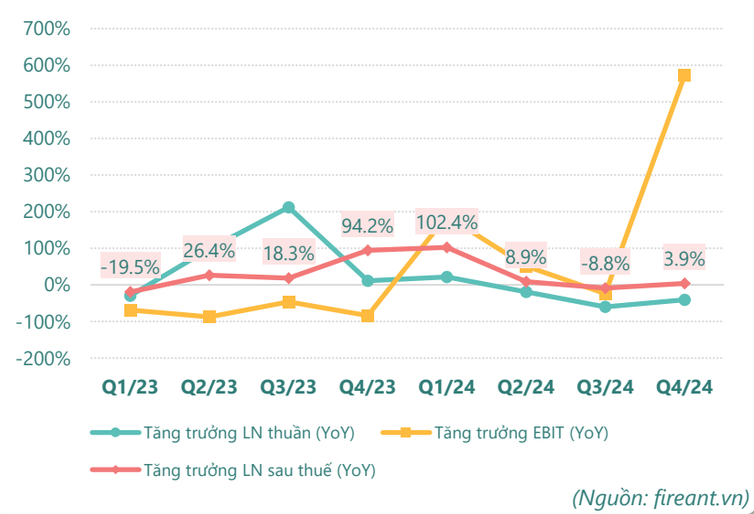
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



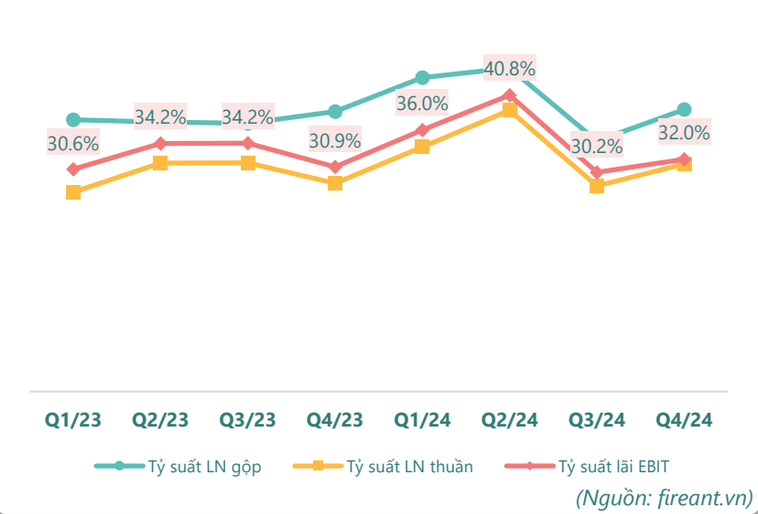
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

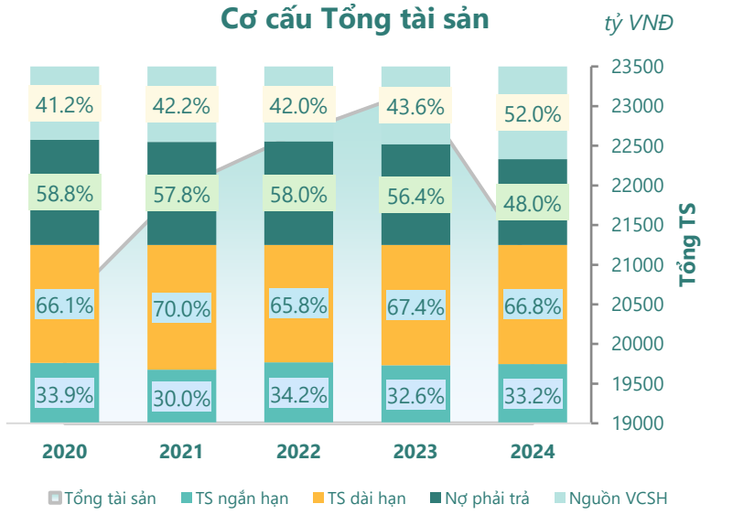
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

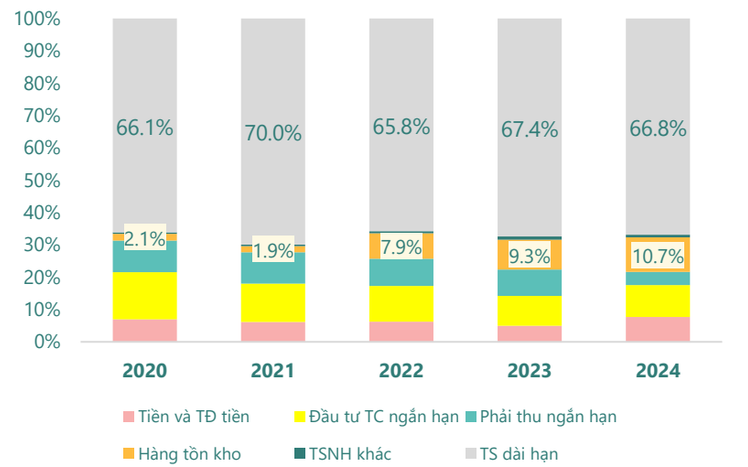
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



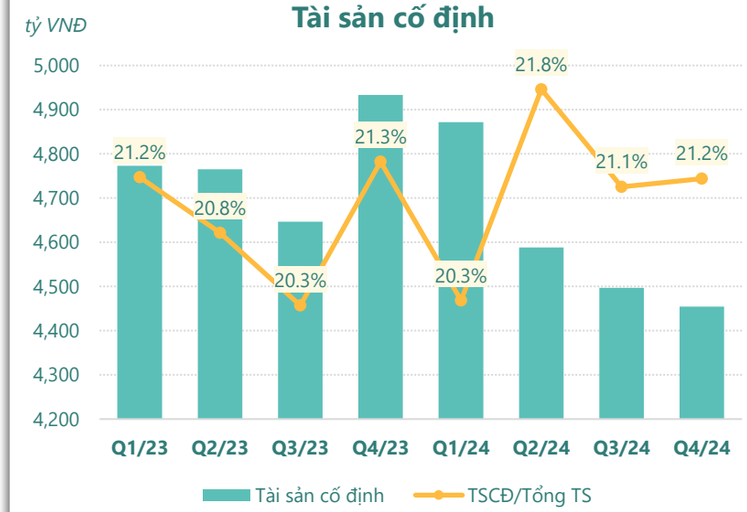
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



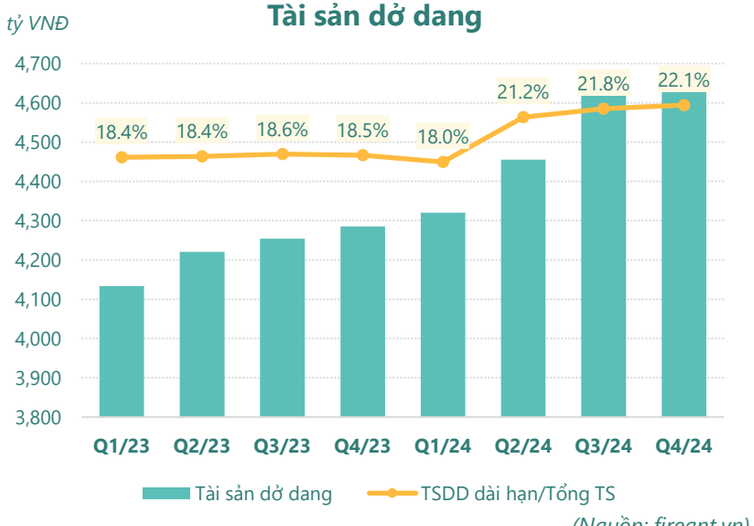
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



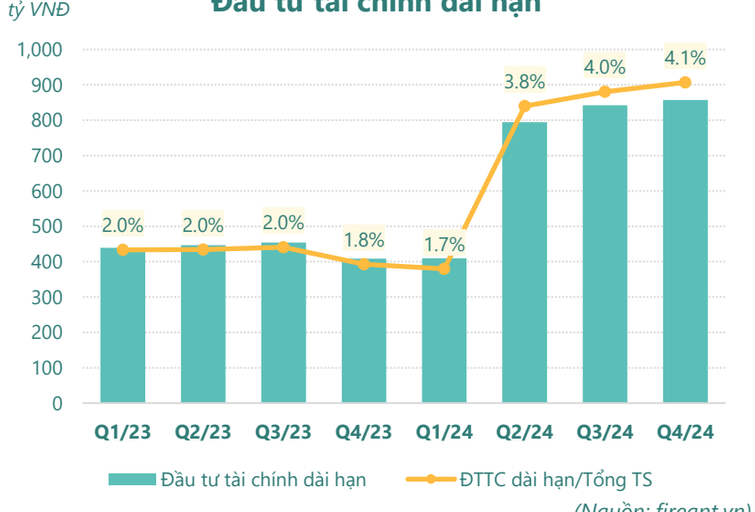
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



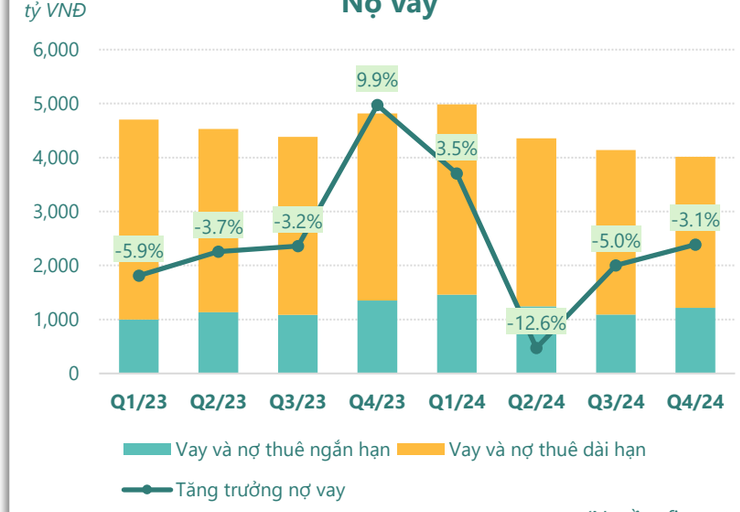
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

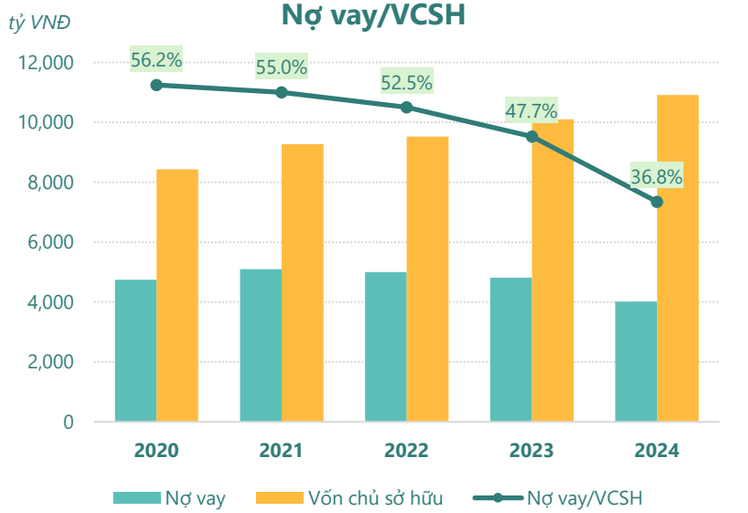
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

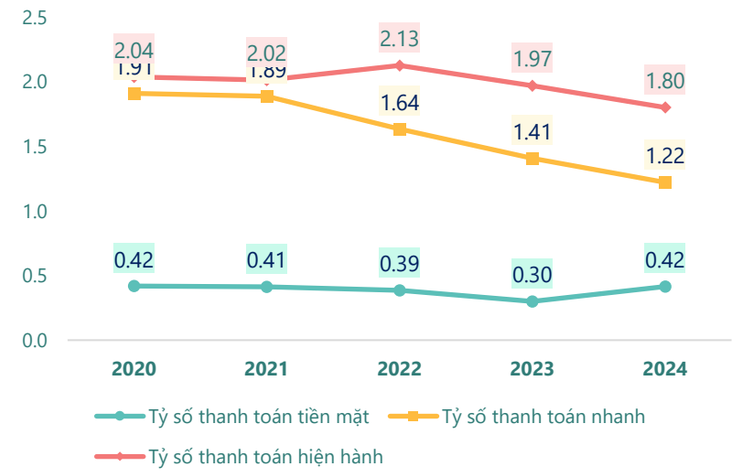
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



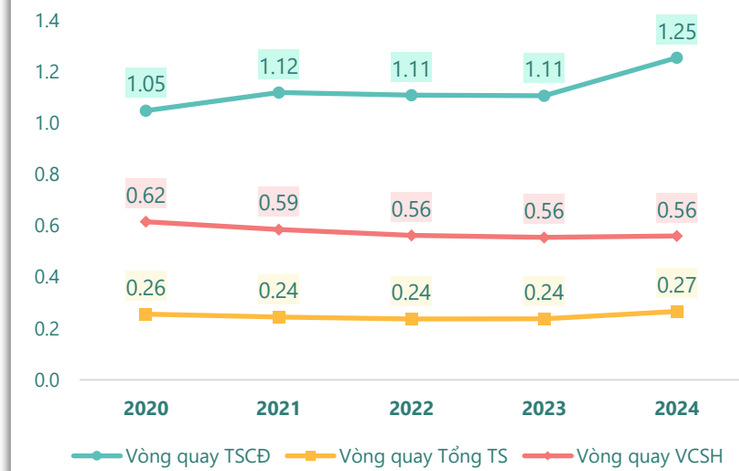
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



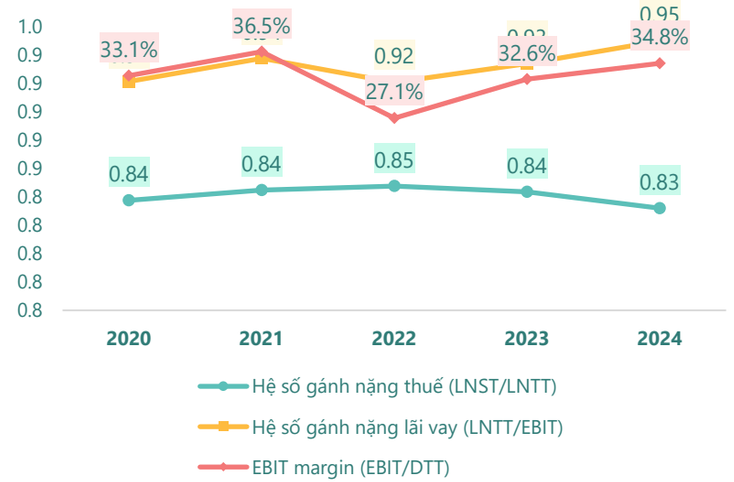
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



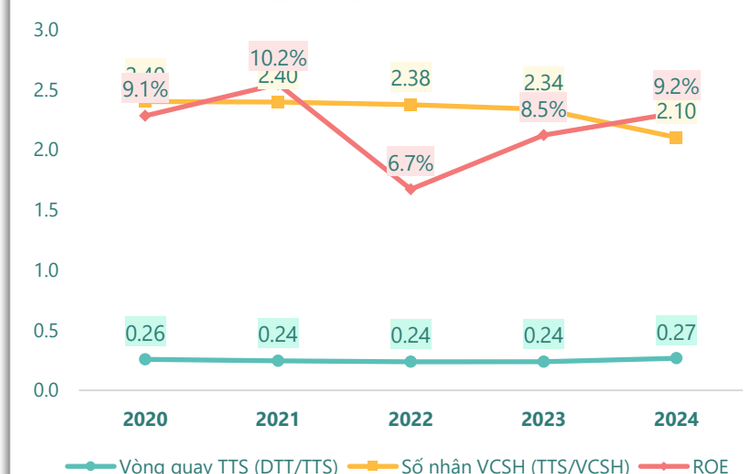
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



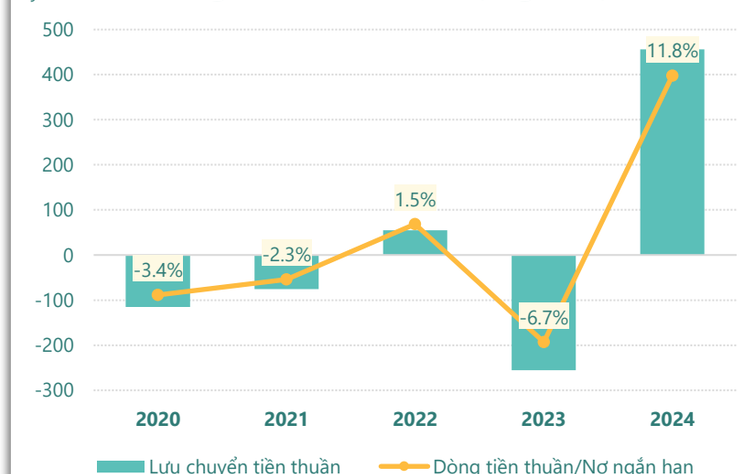
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q4/23	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**1,697**	**1,721**	**-1.4%**	**5,889**	**5,447**	**8.1%**
Giá vốn hàng bán	1,038	1,057	-1.8%	3,513	3,395	3.5%
Lợi nhuận gộp	659	664	-0.7%	2,376	2,052	15.8%
Doanh thu HĐTC	56.2	60.7	-7.4%	190	264	-28.0%
Chi phí TC	26.1	74.9	-65.1%	112	162	-30.6%
Chi phí lãi vay	24.4	30.6	-20.4%	103	117	-12.2%
LN trong công ty LKLD	**30.5**	**5.46**	**459%**	**87.2**	**17.9**	**387%**
Chi phí bán hàng	31.9	32.7	-2.3%	120	109	10.0%
Chi phí QLDN	**155**	**129**	**20.5%**	**469**	**433**	**8.4%**
LN thuần từ HĐKD	532	494	7.8%	1,952	1,630	19.7%
Lợi nhuận khác	**-13.5**	**7.79**	**-274%**	**-4.11**	**27.2**	**-115%**
LN trước thuế	519	502	3.4%	1,948	1,658	17.5%
Lợi nhuận sau thuế	**423**	**412**	**2.6%**	**1,621**	**1,398**	**15.9%**
LNST của CĐ cty mẹ	**232**	**250**	**-7.2%**	**969**	**833**	**16.4%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	454	578	596	963	736	555
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	66.9	-483	-218	-354	-215	-628
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-305	-59.7	652	-561	-429	-640
Tiền đầu kỳ	898	1,114	1,151	2,180	2,228	2,320
Lưu chuyển tiền thuần	**216**	**35.7**	**1,030**	**47.4**	**91.8**	**-713**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.30	0.08	0.00	0.04	-0.10	0.30
Tiền cuối kỳ	1,114	1,150	2,180	2,228	2,320	1,607

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**21,011**	**23,197**	**-9.4%**
Tài sản ngắn hạn	6,969	7,558	-7.8%
Tiền và tương đương tiền	1,607	1,151	39.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	2,081	2,146	-3.0%
Phải thu ngắn hạn	849	1,884	-54.9%
Hàng tồn kho	2,244	2,155	4.1%
Tài sản ngắn hạn khác	187	222	-15.6%
Tài sản dài hạn	**14,042**	**15,640**	**-10.2%**
Phải thu dài hạn	126	121	4.2%
Tài sản cố định	4,454	4,933	-9.7%
Bất động sản đầu tư	2,921	4,186	-30.2%
Tài sản dở dang	4,635	4,285	8.2%
Đầu tư tài chính dài hạn	857	410	109%
Tài sản dài hạn khác	**1,048**	**1,704**	**-38.5%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	10,094	13,092	-22.9%
Nợ ngắn hạn	**3,866**	**3,835**	**0.8%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,214	1,325	-8.4%
Phải trả người bán ngắn hạn	589	787	-25.1%
Nợ dài hạn	6,228	9,257	-32.7%
Vay và nợ thuê dài hạn	2,798	3,491	-19.8%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**10,917**	**10,106**	**8.0%**
Vốn chủ sở hữu	**10,917**	**10,106**	**8.0%**
Vốn điều lệ	3,765	3,765	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)